

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNG NGÃI

Số: 75 /TB-LĐLĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 4 năm 2024

THÔNG BÁO
DUYỆT DỰ TOÁN THU VÀ SỬ DỤNG TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN
NĂM 2024

Kính gửi: Liên đoàn Lao động huyện Bình Sơn

Căn cứ Quyết định số 201/QĐ-LĐLĐ ngày 10/4/2024 của Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Dự toán tài chính công đoàn năm 2024, Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Ngãi thông báo duyệt Dự toán thu và sử dụng tài chính công đoàn năm 2024 của Liên đoàn Lao động huyện Bình Sơn như sau:

A- CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Tổng số
A	B	C	D
I	CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ	01	120
1	Khu vực Hành chính sự nghiệp	01.01	110
2	Khu vực sản xuất kinh doanh	01.02	7
3	Nghiep đoàn	01.03	3
II	ĐƠN VỊ CHƯA THÀNH LẬP CĐCS	02	
III	LAO ĐỘNG	05	3.278
1	Khu vực Hành chính sự nghiệp	05.01	3.022
2	Khu vực sản xuất kinh doanh	05.02	256
3	Đơn vị chưa thành lập CĐCS	05.03	
IV	TỔNG SỐ ĐOÀN VIÊN	11	4.527
1	Khu vực Hành chính sự nghiệp	11.01	3.022
2	Khu vực sản xuất kinh doanh	11.02	256
3	Nghiep đoàn	11.03	1.249
V	CÁN BỘ CÔNG ĐOÀN CHUYÊN TRÁCH	15	
1	LĐLĐ cấp tỉnh, TP và tương đương	16	
	a- Cán bộ trong biên chế	16.01	
	b- Lao động khác	16.02	
2	CĐ cấp trên trực tiếp cơ sở	17	3
	a- Cán bộ trong biên chế	17.01	3
	b- Lao động khác	17.02	
3	Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn	18	
4	Đơn vị sự nghiệp hưởng lương từ nguồn TCCĐ	19	

Chức vụ

B- CÁC CHỈ TIÊU THU, CHI TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Mã số	Tổng hợp dự toán trong kỳ	Chia ra			
				Công đoàn cơ sở	Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	Đơn vị sự nghiệp	LĐLĐ tỉnh, TP và tương đương
A	B	C	1	2	3	4	5
I	TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN TÍCH LŨY ĐẦU KỲ	10	1.837	84	1.753		
1.1	Quỹ đầu tư cơ sở vật chất	10.1	374		374		
1.2	Quỹ hoạt động thường xuyên	10.2	902	84	818		
1.3	Quỹ đại diện, bảo vệ người lao động	10.3	561		561		
II	PHẦN THU	20					
2.1	Thu đoàn phí Công đoàn	22	2.226	2.226	0		
	a- Khu vực HCSN	22.01	2.184	2.184			
	b- Khu vực SXKD	22.02	42	42			
2.2	Thu kinh phí Công đoàn	23	4.461	0	4.461		
	a- Khu vực HCSN	23.01	4.367		4.367		
	b- Khu vực SXKD	23.02	94		94		
	c- Đơn vị chưa thành lập CĐCS	23.03	0				
2.3	Ngân sách Nhà nước cấp hỗ trợ	24	0				
2.4	Các khoản thu khác	25	0	0	0		
	a- Chuyên môn hỗ trợ	25.01	0				
	b- Thu khác	25.02	0				
	CỘNG THU TCCĐ		6.687	2.226	4.461		
2.5	Tài chính công đoàn cấp trên cấp	28	3.346	3.346	0		
	a- TCCĐ cấp trên cấp theo phân phối đơn vị trực tiếp báo cáo quyết toán	28.01.01	0				
	b- TCCĐ cấp trên cấp theo phân phối đơn vị không trực tiếp báo cáo quyết toán	28.01.02	3.346	3.346			
	c- TCCĐ cấp trên cấp hỗ trợ đơn vị trực tiếp báo cáo quyết toán	28.02.01	0				
	d- TCCĐ cấp trên cấp hỗ trợ đơn vị không trực tiếp báo cáo quyết toán	28.02.02					
2.6	TCCĐ cấp dưới nộp lên	29	668		668		
2.7	Nhận bàn giao tài chính Công đoàn	40					
2.8	Các khoản khác tăng nguồn TCCĐ (tài chính tích lũy)	47					
	TỔNG CỘNG THU		10.701	5.572	5.129		
III	SỬ DỤNG QUỸ HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN		0				
IV	PHẦN CHI						
3.1	Chi trực tiếp chăm lo, bảo vệ, đào tạo đoàn viên và NLĐ	31	2.991	2.631	360		
3.2	Chi tuyên truyền đoàn viên, NLĐ	32	1.036	836	200		
3.3	Chi quản lý hành chính	33	712	502	210		
3.4	Chi lương, phụ cấp và các khoản phải nộp theo lương	34	1.268	701	567		
	a- Lương cán bộ trong biên chế	34.01	475		475		
	b- Phụ cấp cán bộ công đoàn	34.02	793	701	92		
	c- Các khoản phải nộp theo lương	34.03					
3.5	Chi hoạt động của đơn vị chưa thành lập CĐCS	35	0				

Đinh

TT	Nội dung	Mã số	Tổng hợp dự toán trong kỳ	Chia ra			
				Công đoàn cơ sở	Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	Đơn vị sự nghiệp	LĐLĐ tỉnh, TP và tương đương
A	B	C	1	2	3	4	5
3.6	Chi bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên, mua sắm TSCĐ, đầu tư XDCB	36	20	0	20		
	a- Chi bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên TSCĐ	36.01	20		20		
	b- Chi mua sắm TSCĐ	36.02	0				
	c- Chi đầu tư XDCB	36.03	0				
3.7	Các khoản chi khác về hoạt động công đoàn	37	234	234	0		
	a- Chi khác	37.01	234	234			
	b- Kết quả khoán chi	37.02	0				
	CỘNG CHI TCCĐ		6.261	4.904	1.357		
3.8	Tài chính công đoàn cấp cho cấp dưới	38	3.346	0	3.346		
	a- TCCĐ cấp cho cấp dưới theo phân phối	38.01	3.346		3.346		
	b- TCCĐ cấp hỗ trợ cho cấp dưới	38.02	0				
3.9	TCCĐ nộp cấp trên quản lý trực tiếp	39	968	668	300		
	a- Đơn vị trực tiếp báo cáo quyết toán	39.01	968	668	300		
	b- Đơn vị không trực tiếp báo cáo quyết toán	39.02					
3.10	Kinh phí cấp trả cho đơn vị khi thành lập CĐCS	41					
3.11	Bàn giao tài chính Công đoàn	42					
3.12	Các khoản khác giảm nguồn TCCĐ	48					
	TỔNG CỘNG CHI		10.575	5.572	5.003		
V	KINH PHÍ DỰ PHÒNG	46	126	0	126		
VI	TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN TÍCH LŨY CUỐI KỲ (V=I+II+III-IV-V)	50	1.837	84	1.753		
5.1	Quỹ đầu tư bằng tiền	50.1					
5.2	Quỹ hoạt động thường xuyên	50.2					
5.3	Quỹ đại diện, bảo vệ người lao động	50.3					

*** GHI CHÚ, NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ:**

1. Khuyến khích, ưu tiên chi chăm lo trực tiếp cho đoàn viên, người lao động.
2. Yêu cầu đơn vị chấp hành đúng dự toán chi được giao, trường hợp phát sinh thêm nhiệm vụ chi vượt dự toán, điều chỉnh nhóm mục chi trong năm, đơn vị phải trình Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh xem xét, quyết định trước khi chi.
2. Đơn vị sử dụng Quỹ hoạt động thường xuyên cho số chi năm 2024: 0 triệu đồng.
3. Tạm giao số nộp nghĩa vụ cho LĐLĐ tỉnh: 300 triệu đồng

Nơi nhận: *ENhac*

- Như kính gửi (02 bản);
- Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh (báo cáo);
- Lưu: VT, Kế toán.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Phúc Nhân

Nguyễn Phúc Nhân